

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 11/2019/LĐ-ST
Ngày 29/8/2019.
*V/v đơn phương chấm dứt hợp đồng
lao động*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiên Dũng
2. Ông Chu Mạnh Tường

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa – Là Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Khương – Kiểm sát viên.

Ngày 29/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm vụ án lao động thụ lý số 07/TB-TLVA ngày 05/6/2018 về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 333/2019/QĐXXST-LĐ ngày 19/7/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 212/2019/QĐST-LĐ ngày 08/8/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Mạnh H, sinh năm 1975

Địa chỉ: 2C/1A đường X, khu phố Y, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty cổ phần xây dựng công trình C.

Địa chỉ: 31/21 đường K, khu phố X, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Mạnh H, sinh năm 1975 (là nguyên đơn trong vụ án)

Chủ tịch hội đồng quản trị: Ông Phạm Đức T, sinh năm 1945 (vắng mặt)

Địa chỉ: 20/3 đường Đ, Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại tòa ông Bùi Mạnh H trình bày: Ông vào làm việc tại Công ty cổ phần xây dựng công trình C từ tháng 3/2015, không có hợp đồng lao động, công việc phải làm là quản lý, mức lương là 8.073.000 đồng, Công ty trả lương cho ông có bảng lương kèm theo tuy nhiên ông không giữ bảng lương; Công ty bố trí cho ông làm giám đốc – đồng thời làm người đại diện theo pháp luật của Công ty từ tháng 4/2016; ông có cổ phần trong Công ty. Tháng 7/2016 ông có

đơn xin nghỉ việc và miễn nhiệm chức vụ giám đốc – người đại diện theo pháp luật của Công ty vì gia đình chuyển đi xa, nhưng không được chấp nhận. Ông xác định tranh chấp hợp đồng lao động với Công ty cổ phần xây dựng công trình C và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết:

Buộc Công ty cổ phần xây dựng công trình C phải ra quyết định cho ông thôi việc theo quy định, ngoài ra ông không có ý kiến gì khác.

Bị đơn Công ty cổ phần xây dựng công trình C – người đại diện theo pháp luật ông Bùi Mạnh H; tuy nhiên trong vụ án này ông H là nguyên đơn nên không thể làm đại diện cho bị đơn trong vụ án này; bị đơn chỉ có một người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Khoản 2 Điều 134 Luật doanh nghiệp năm 2015; Tòa án đã thực hiện niêm yết văn bản tố tụng cho Công ty cổ phần xây dựng công trình C và chủ tịch hội đồng quản trị là ông Phạm Đức T, nhưng Công ty vẫn không cử người đến Tòa án tham gia tố tụng.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án; Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng qui định của Bộ Luật tố Tụng dân sự năm 2015; về thụ lý, thông báo thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, tại phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo qui định của pháp luật. Về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo qui định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Mạnh H

Các tài liệu, chứng cứ liên quan trực tiếp đến việc giải quyết vụ án trong hồ sơ gồm có: Chứng minh nhân dân, hộ khẩu; đơn xin nghỉ việc (lần thứ 1) ngày 27/7/2016, (lần 2) ngày 20/8/2016; văn bản đề nghị (v/v giải quyết đơn xin nghỉ việc) ngày 14/3/2017, ngày 21/3/2017, ngày 04/7/2017 của ông H ; công văn số 939/CV-BHXXH ngày 05/9/2018 kèm theo là danh sách lao động tham gia BHXH tháng 4/2015; bảng ghi quá trình đóng BHXH, BHTN, mã số BHXH: 0198007065 của ông H ; công văn số 4001/ĐKKD – THKT ngày 05/7/2018 kèm theo là giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0311569462; công văn số 5435/ĐKKD – THKT ngày 10/9/2018 kèm theo là thông báo số 02/HĐQT.2016 ngày 04/4/2016 thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, đại hội cổ đông số 01/2016-ĐHĐCĐ-NQ ngày 4/4/2016, biên bản họp đại hội cổ đông số 01/BB.ĐHĐCĐ.2016 ngày 04/4/2016; công văn số 1171/ĐKKD – THKT ngày 28/3/2019 kèm theo là điều lệ của Công ty cổ phần xây dựng công trình C; phiếu xác minh ngày 19/02/2019

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các nội dung các đương sự đã thỏa thuận thống nhất được và không thống nhất được: Do bị đơn Công ty cổ phần xây dựng công trình C vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án, cũng như làm rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đánh giá đầy đủ, toàn diện, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án : Bị đơn Công ty cổ phần xây dựng công trình C có địa chỉ tại số 31/21 đường K, khu phố X, phường H, quận T; nên thẩm quyền giải quyết vụ án này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân quận Thủ Đức; được pháp luật quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp, căn cứ vào đơn khởi kiện và chứng cứ kèm theo của ông Bùi Mạnh H, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động được pháp luật quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 32 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về xác định tư cách đương sự, trong vụ án này tư cách đương sự được xác định như sau: Nguyên đơn ông Bùi Mạnh H; bị đơn Công ty cổ phần xây dựng công trình C được pháp luật quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.4]. Trong vụ án này ông Bùi Mạnh H là nguyên đơn, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty cổ phần xây dựng công trình C (bị đơn chỉ có một người đại diện theo pháp luật là ông Bùi Mạnh H – theo quy định tại Khoản 2 Điều 134 Luật doanh nghiệp 2014); ông H khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc: Công ty cổ phần xây dựng công trình C phải ra quyết định cho ông H thôi việc, như vậy vai trò của ông H trong trường hợp này là quyền và nghĩa vụ của ông H đối lập với nhau, nên một mình ông H không thể đứng hai vai vừa là nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo pháp luật của bị đơn. Do đó, Tòa án không chấp nhận ông H làm người đại diện theo pháp luật của bị đơn trong vụ án này để nhận các văn bản tố tụng của Tòa án đối với bị đơn. Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn và chủ tịch hội đồng quản trị của bị đơn nhưng bị đơn vẫn không cử người đại diện nhận văn bản tố tụng của Tòa án cũng như cử người đại diện cho bị đơn tham gia tố tụng giải quyết trong vụ án này đối với nguyên đơn; nên Tòa án thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn và chủ tịch hội đồng quản trị của bị đơn là phù hợp.

[1.5]. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tòa để giải quyết vụ án, cũng như tham gia phiên tòa, nhưng bị đơn không đến mà cũng không có lý do, căn cứ vào các Điều 227, Điều 233 và Điều 335 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1]. Về yêu cầu của ông Bùi Mạnh H đề nghị Tòa án xem xét buộc bị đơn Công ty cổ phần xây dựng công trình C phải ra quyết định cho ông H thôi việc, căn cứ vào Điều 5 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 quy định về quyền tự định đoạt của đương sự, Tòa án chỉ giải quyết trong phạm vi yêu cầu của đương sự.

Điều 37 của Bộ luật Lao động năm 2012 quy định về quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người lao động như sau:

1. Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn, hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn trong những trường hợp sau đây:

- a) Không được bố trí theo đúng công việc, địa điểm làm việc hoặc không được bảo đảm điều kiện làm việc đã thỏa thuận trong hợp đồng lao động
- b) Không được trả lương đầy đủ hoặc trả lương không đúng thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng lao động;
- c) Bị ngược đãi, quấy rối tình dục, cưỡng bức lao động
- d) Bản thân hoặc gia đình có hoàn cảnh khó khăn không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động
- đ) Được bầu làm nhiệm vụ chuyên trách ở cơ quan dân cử hoặc được bổ nhiệm giữ chức vụ trong bộ máy nhà nước
- e) Lao động nữ mang thai phải nghỉ việc theo chỉ định của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền
- g) Người lao động bị ốm đau, tai nạn đã điều trị 90 ngày liên tục đối với người làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn và một phần tư thời hạn hợp đồng đối với người làm việc theo hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng mà khả năng lao động chưa được hồi phục.

2. Khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 1 Điều này, người lao động phải báo cho người sử dụng lao động biết trước:

- a) Ít nhất 3 ngày làm việc đối với các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và g khoản 1 Điều này
- b) Ít nhất 30 ngày nếu là hợp đồng lao động xác định thời hạn; ít nhất 03 ngày làm việc nếu là hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng đối với các trường hợp quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều này
- c) Đối với trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều này thời hạn báo trước cho người sử dụng lao động được thực hiện theo thời hạn quy định tại Điều 156 của Bộ luật này.

3. Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, nhưng phải báo cho người sử dụng lao động biết trước ít nhất 45 ngày, trừ trường hợp quy định tại Điều 156 của Bộ luật này.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay ông H trình bày: Ông H vào làm việc tại Công ty từ tháng 3/2015 không có hợp đồng lao động, đến tháng 7/2016 ông H xin nghỉ việc nhưng không được Công ty chấp nhận và thực tế ông H đã nghỉ việc tại Công ty từ lúc nộp đơn xin nghỉ việc cho đến nay.

Như vậy đối chiếu với quy định trên của pháp luật, cũng như lời trình bày của ông H, nếu ông H có đủ điều kiện như đã viện dẫn theo điều luật nêu trên; thì ông H phải làm đơn gửi cho Công ty biết trước theo quy định; nên ông H đã thực hiện việc báo trước mà Công ty không ra quyết định cho ông H nghỉ việc, thì ông H nghỉ việc là

đúng với quy định và thực tế ông H đã nghỉ việc tại Công ty từ tháng 7/2016 cho đến nay, bị đơn cũng không có ý kiến gì.

[2.2]. Mặt khác ông H trình bày muốn nghỉ việc để thôi làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ngày 04/4/2016 Đại hội cổ đông của Công ty cổ phần xây dựng công trình C họp và thông qua nghị quyết bầu ông Bùi Mạnh H làm người đại diện theo pháp luật của Công ty thay cho ông Phạm Đức T đã được đăng ký thay đổi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần xây dựng công trình C. Điểm h Điều 27 Điều lệ Công ty cổ phần xây dựng công trình C cũng như Điểm i Khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp năm 2014 quy định về quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị: “...việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định...”.

Như vậy đối chiếu với quy định trên của pháp luật cũng như điều lệ của Công ty thì việc ông H muốn nghỉ làm người đại diện theo pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị Công ty.

Do đó việc ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải ra quyết định cho ông H thôi việc là không có căn cứ được chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H ; bác yêu cầu khởi kiện ông H về việc buộc Công ty cổ phần xây dựng công trình C ra quyết định cho ông H thôi việc.

[2.3].Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng ông H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điểm a Khoản 1 Điều 32, Điểm c Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 37 của Bộ luật lao động 2012

Áp dụng Điều 135, 149 Luật doanh nghiệp năm 2014

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Mạnh H về việc buộc Công ty cổ phần xây dựng công trình C phải ra quyết định cho ông H thôi việc.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Bùi Mạnh H phải chịu; được căn trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0038935 ngày 05/6/2018 của chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Ông Bùi Mạnh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Công ty cổ phần xây dựng công trình C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân

quận Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

4. Quyền yêu cầu Thi hành án: “Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức; (1)
- CC Thi hành án dân sự quận Thủ Đức; (1)
- Các đương sự; (2)
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP. (3)

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Công Tình

